

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH SÁCH MY LITTLE FUN - CLASS BOOK - BOOK 1

(ĐỘ TUỔI: 3 TUỔI)



Tổng số hoạt động trong năm học:

= 70 hoạt động học

Trong đó:

Hoạt động làm quen và khởi động: 2 hoạt động học/bài học

= 2 hoạt động học

Hoạt động thực học: 6 hoạt động học/bài học x 8 bài

= 48 hoạt động học

Hoạt động ôn tập: 4 hoạt động học/bài x 4 bài

= 16 hoạt động học

Hoạt động đánh giá:

= 2 hoạt động học

Hoạt động dự phòng:

= 2 hoạt động học

Học kì I: 18 tuần x 2 hoạt động học/tuần = 36 hoạt động học (34 hoạt động thực học, 1 hoạt động đánh giá, 1 hoạt động học dự phòng)

Tuần	HD học	Unit	Lesson	Mục tiêu	Từ vựng	Mẫu câu	CLIL/ Giá trị/ Dự án
Tuần 1	1 2	Hello!	Lesson 1 Lesson 2	- Greet someone - Introduce oneself - Identify characters in the book	Linda, Nam, Bessy, Bob	Hello, I'm (Linda).	
Tuần 2	3 4	Unit 1 – My Family	Lesson 1 Lesson 2	- Identify and name family members	mum, dad, brother, sister	This is (my mum).	Value: Greetings
Tuần 3	5 6		Lesson 3 Lesson 4				
Tuần 4	7 8		Lesson 5 Lesson 6				
Tuần 5	9 10	Unit 2 – My Classroom	Lesson 1 Lesson 2	- Identify and name classroom items - Count number 1	bag, book, chair	It's (a book).	Maths: Number 1
Tuần 6	11 12		Lesson 3 Lesson 4				
Tuần 7	13		Lesson 5				

	14		Lesson 6				
Tuần 8	15	Fun Time 1	Lesson 1	- Revise the learnt vocabulary and structures in Units 1 & 2 .		Stand up! Sit down! High five!	Storytelling: Meet my brother! Project
Tuần 9	16		Lesson 2				
	17		Lesson 3				
	18		Lesson 4				
Tuần 10	19	Unit 3 – My Colours	Lesson 1	- Identify and name the colours - Count number 1 (revision)	red, green, yellow	It's (red).	Arts
	20		Lesson 2				
Tuần 11	21		Lesson 3				
	22		Lesson 4				
Tuần 12	23		Lesson 5				
	24		Lesson 6				
Tuần 13	25	Unit 4 – My Toys	Lesson 1	- Identify and name toys - Count to 2	ball, car, doll	It's (my ball).	Maths: Numbers 1 and 2
	26		Lesson 2				
Tuần 14	27		Lesson 3				
	28		Lesson 4				
Tuần 15	29		Lesson 5				
	30		Lesson 6				
Tuần 16	31	Fun Time 2	Lesson 1	- Revise the learnt vocabulary and structures in Units 3 & 4		Show me something (red)!	Storytelling: Paint me! Project
	32		Lesson 2				
Tuần 17	33		Lesson 3				
	34		Lesson 4				
Tuần 18	35		Extra week				
	36						

Học kì II: 17 tuần x 2 hoạt động học/tuần = 34 hoạt động học (32 hoạt động thực học, 1 hoạt động đánh giá, 1 hoạt động học dự phòng)

Tuần	HD học	Unit	Lesson	Mục tiêu	Từ vựng	Mẫu câu	CLIL/ Giá trị/ Dự án
Tuần 19	37	Unit 5 – My Face	Lesson 1	- Identify and name parts of the face - Count to 2 (revision)	nose, mouth, eye, ear	This is (my nose).	Maths: Number 2
	38		Lesson 2				
Tuần 20	39		Lesson 3				

	40		Lesson 4				
Tuần 21	41		Lesson 5				
	42		Lesson 6				
Tuần 22	43	Unit 6 – My Clothes	Lesson 1	- Identify and name clothes	hat, shirt, dress	This is (a hat).	Value: Caring for clothes
	44		Lesson 2				
Tuần 23	45		Lesson 3				
	46		Lesson 4				
Tuần 24	47		Lesson 5				
	48		Lesson 6				
Tuần 25	49	Fun Time 3	Lesson 1	- Revise the learnt vocabulary and structures in Units 5 & 6		Point to (your nose)!	Storytelling: Playtime! Project
	50		Lesson 2				
Tuần 26	51		Lesson 3				
	52		Lesson 4				
Tuần 27	53	Unit 7 – My Pets	Lesson 1	- Identify and name animals - Count to 3	dog, cat, fish	It's (a dog).	Maths: Numbers 2 and 3
	54		Lesson 2				
Tuần 28	55		Lesson 3				
	56		Lesson 4				
Tuần 29	57		Lesson 5				
	58		Lesson 6				
Tuần 30	59	Unit 8 – My Food	Lesson 1	- Identify and name food and drinks - Express likes	apple, banana, biscuit, milk	I like (apple).	Value: Finishing meals
	60		Lesson 2				
Tuần 31	61		Lesson 3				
	62		Lesson 4				
Tuần 32	63		Lesson 5				
	64		Lesson 6				
Tuần 33	65	Fun Time 4	Lesson 1	- Revise the learnt vocabulary and structures in Units 7 & 8		I'm (a cat).	Storytelling: A great trip! Project
	66		Lesson 2				
Tuần 34	67		Lesson 3				
	68		Lesson 4				
Tuần 35	69		Extra week				
	70						

